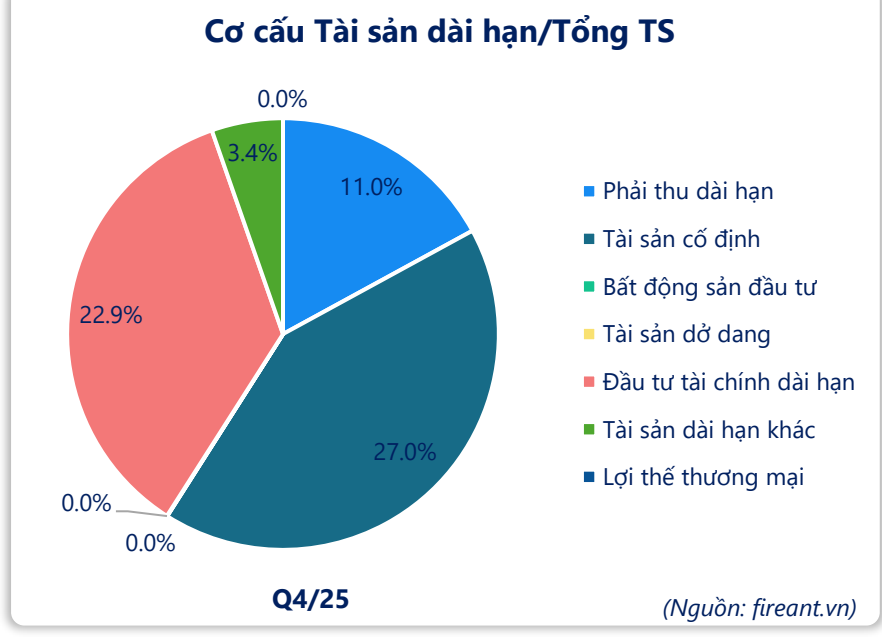
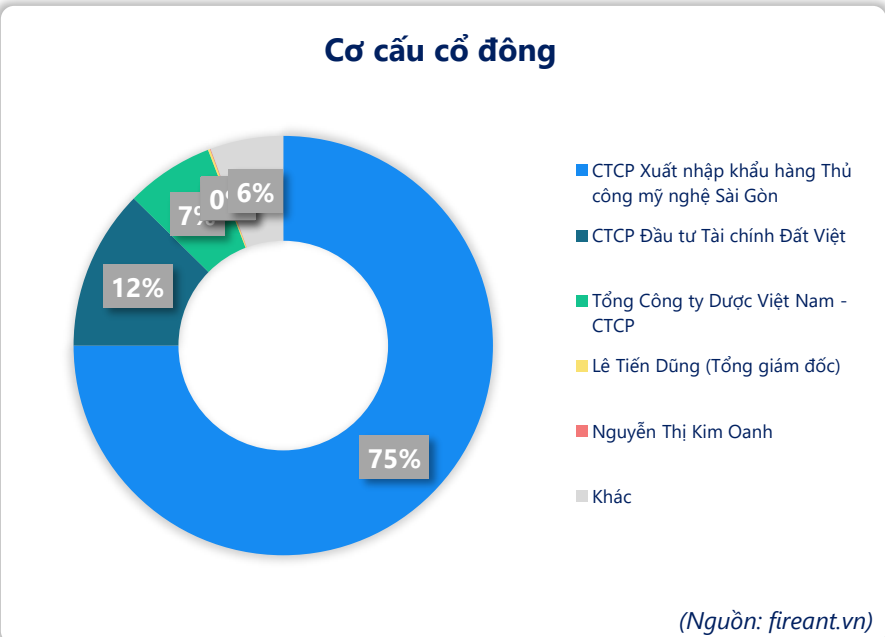
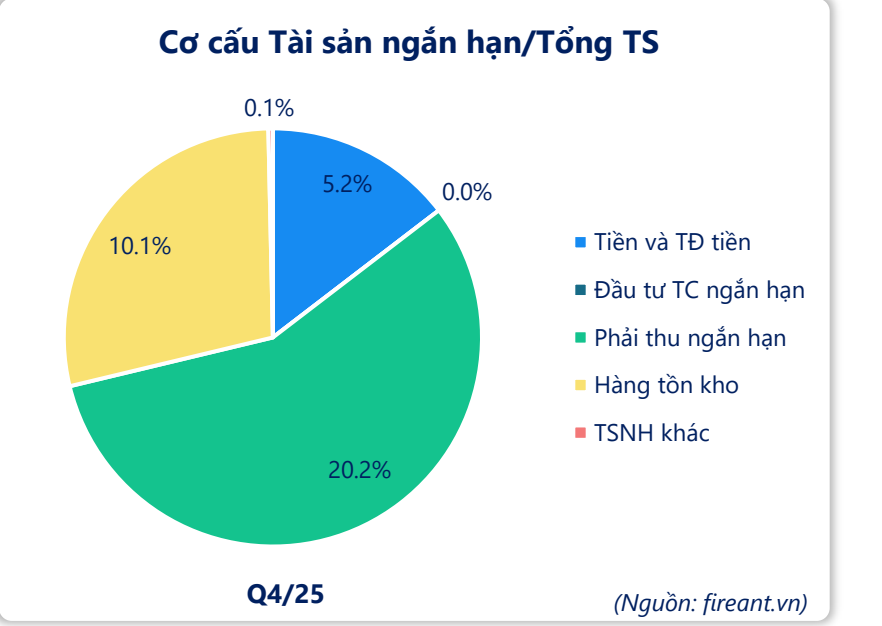
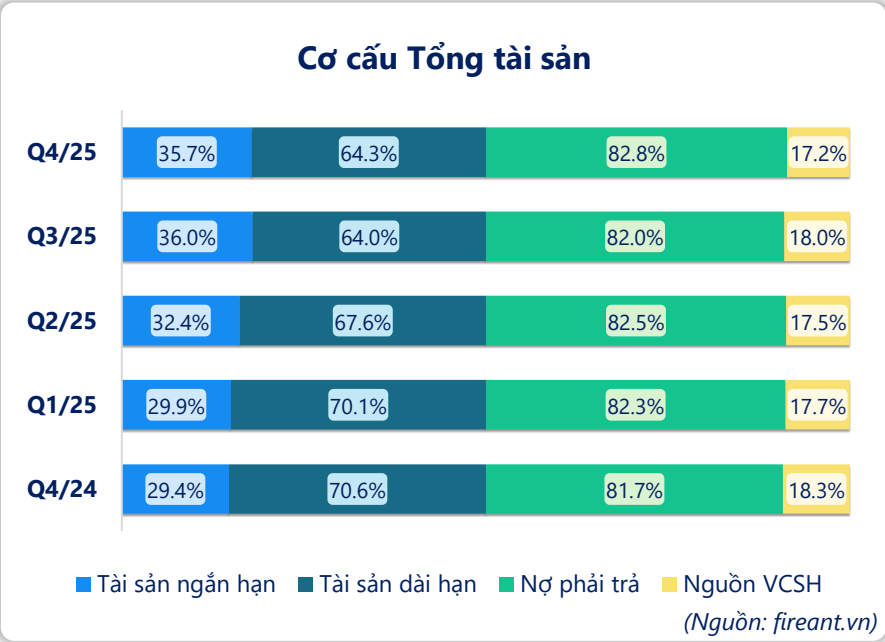
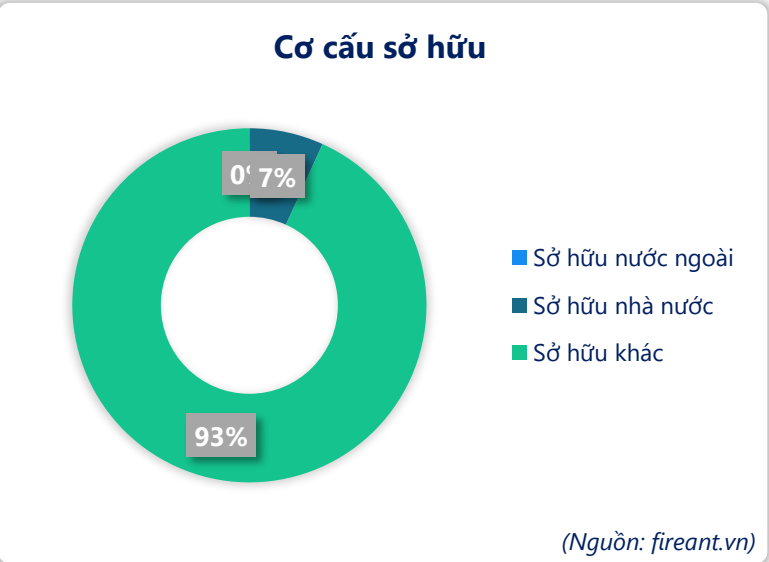
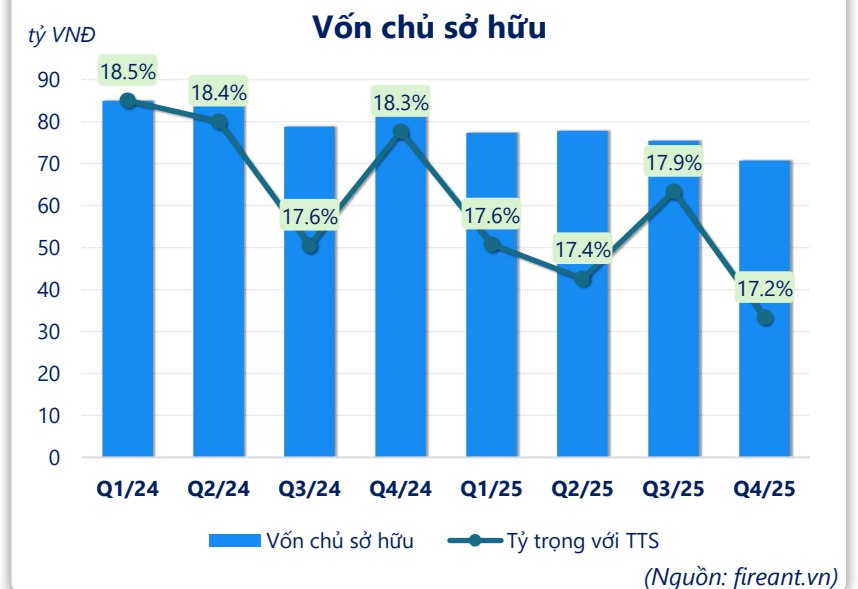
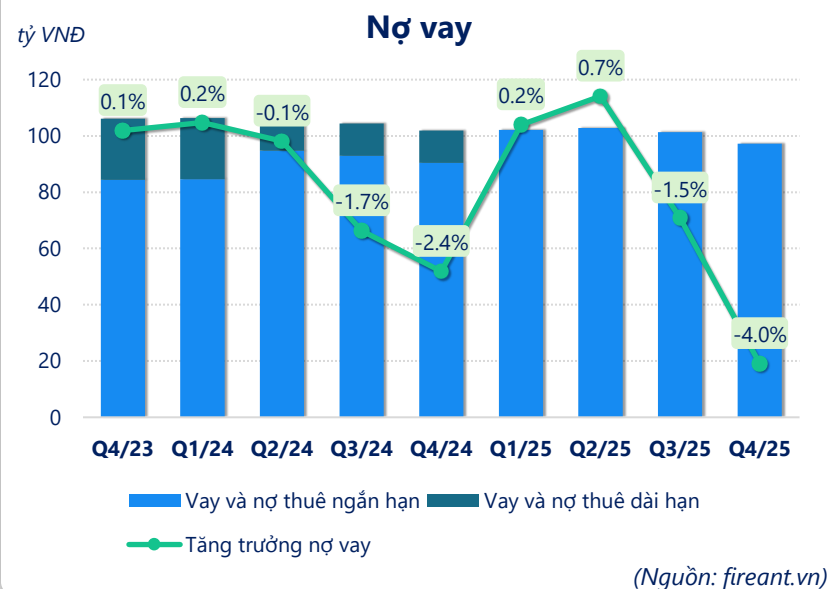
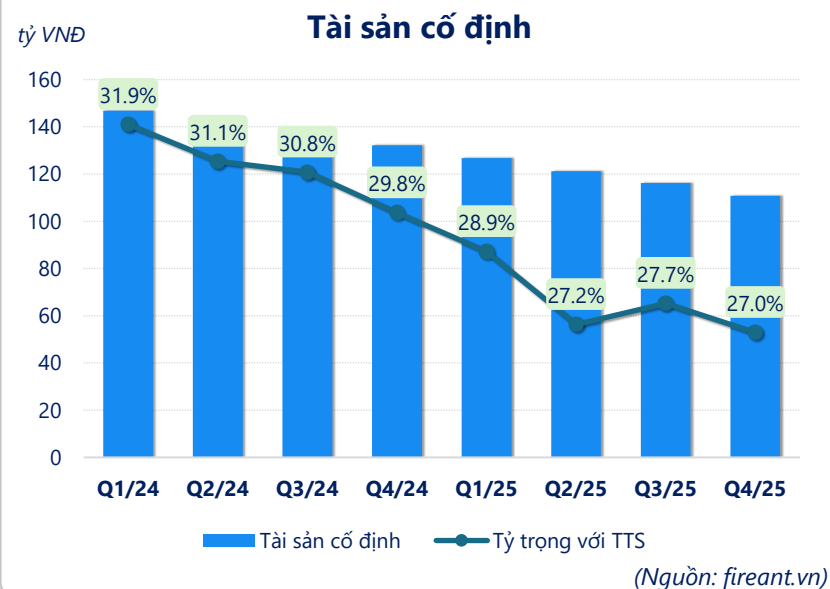
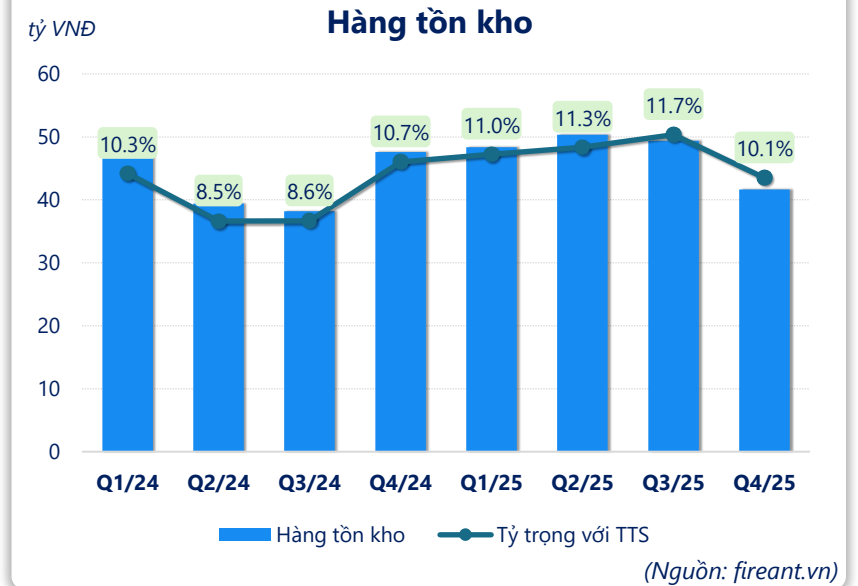
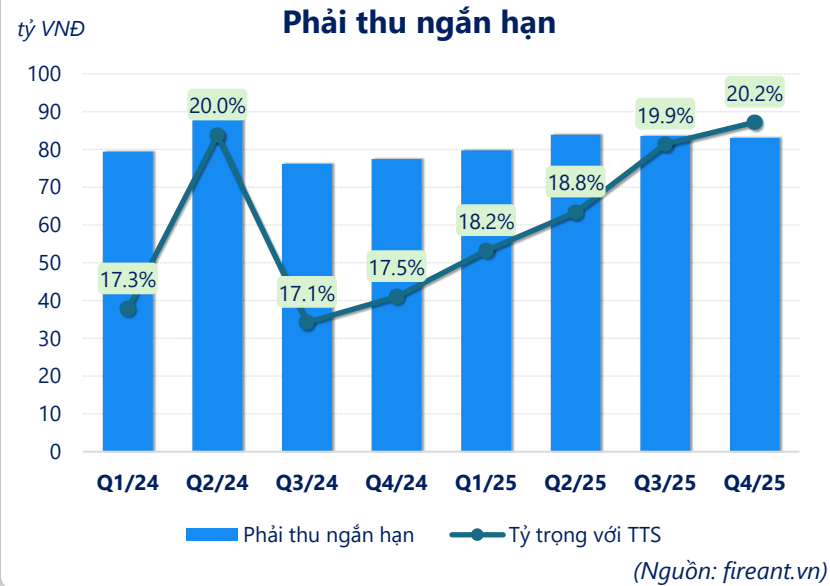
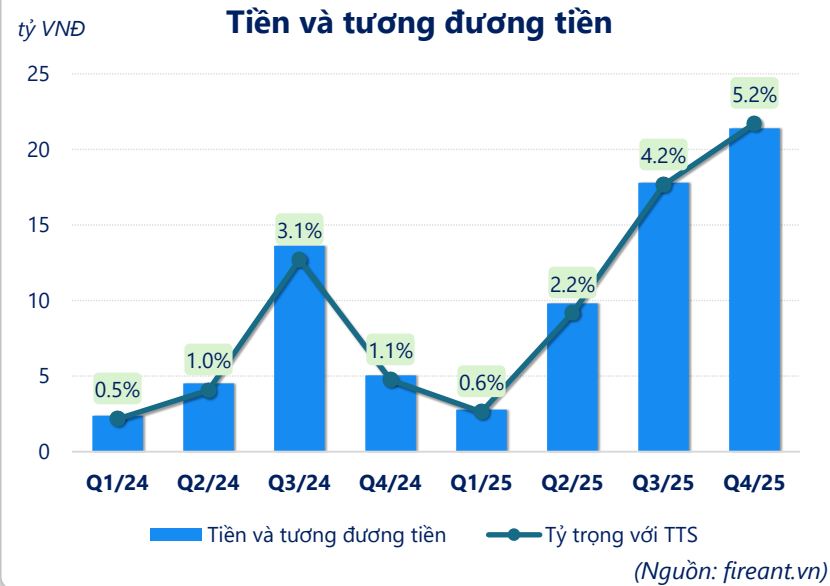
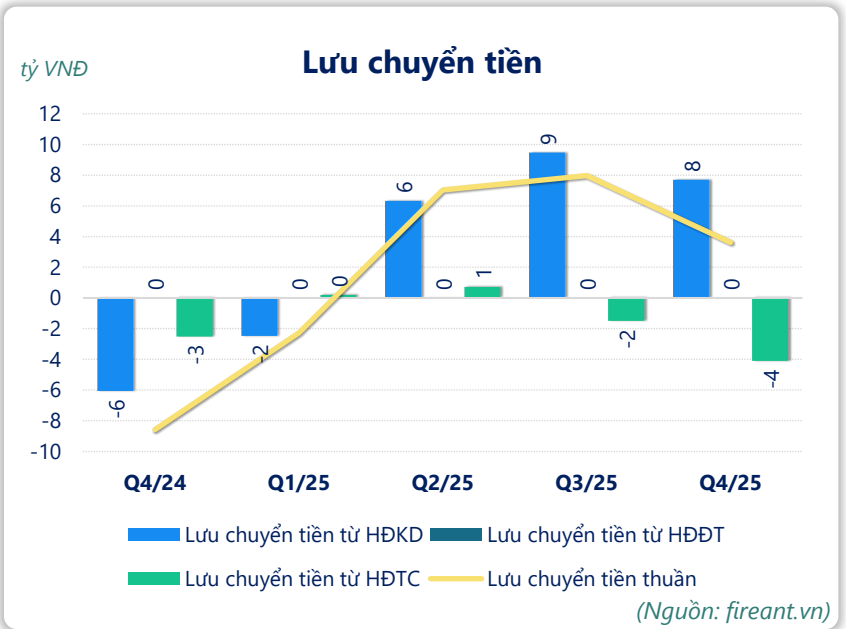
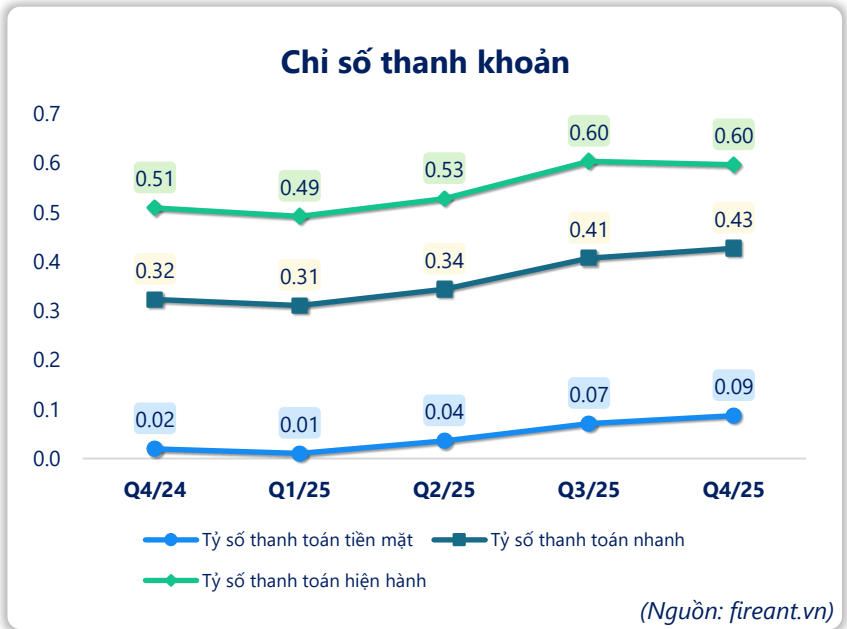
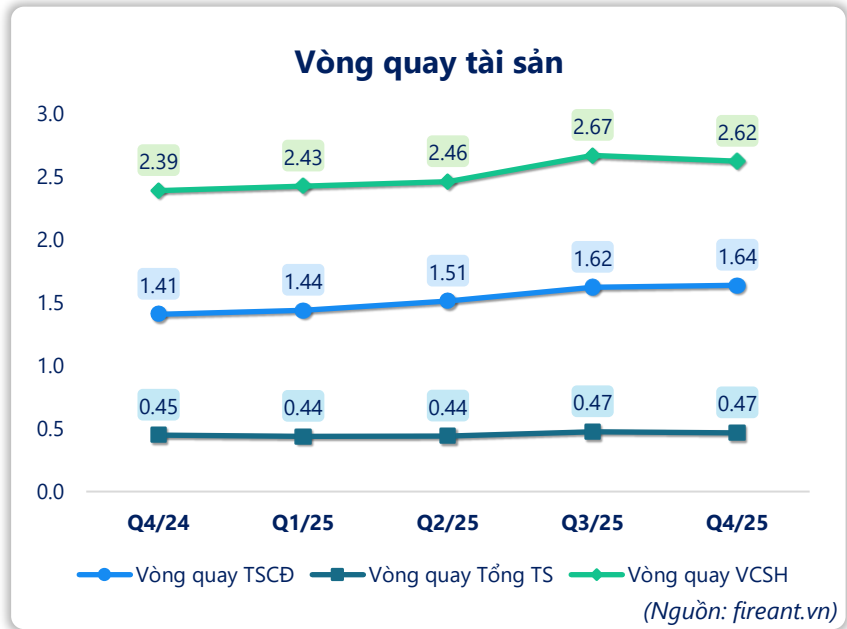
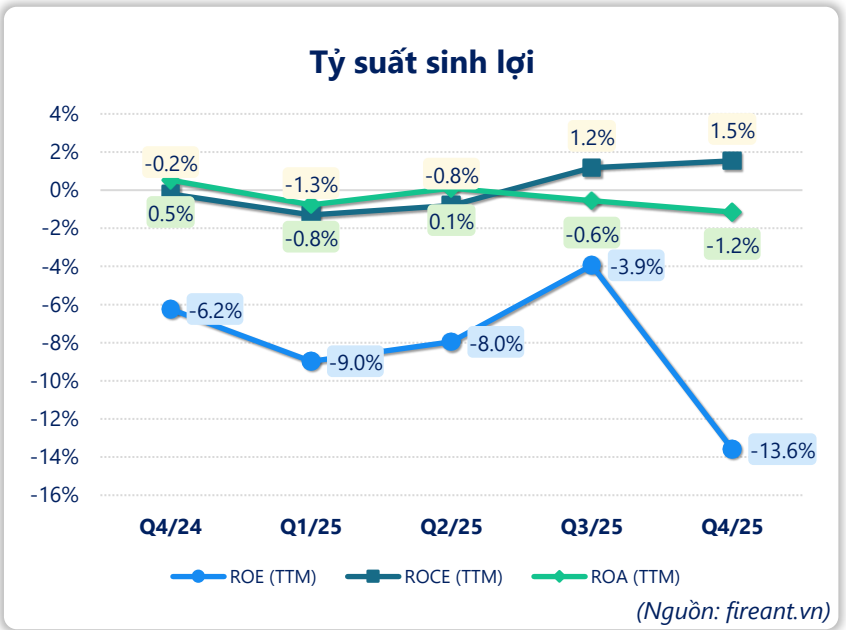
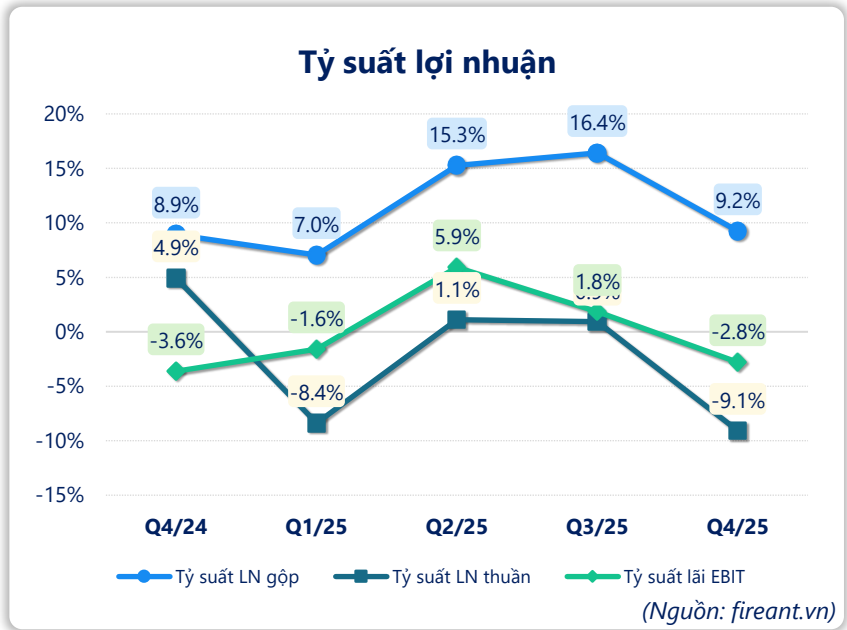
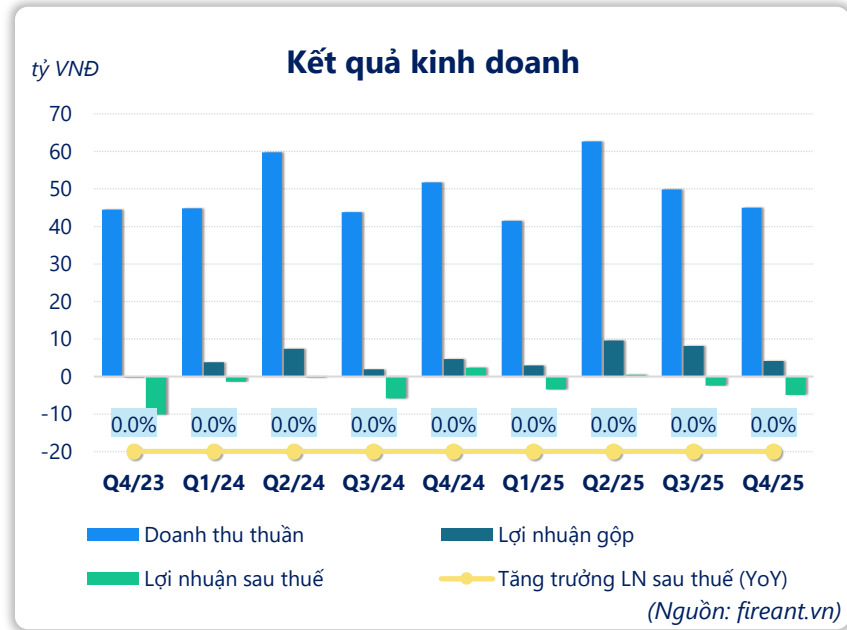


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,200
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		84
P/E		-8.1
EPS		-516

	YTD	1T	3T	6T
DP2	-19.2%	0.0%	0.0%	-8.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	410	443	-7.3%
Tài sản ngắn hạn	147	130	12.9%
Tiền và tương đương tiền	21.4	5.05	324%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	83.1	76.7	8.3%
Hàng tồn kho	41.6	47.6	-12.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	0.49	5.0%
Tài sản dài hạn	264	313	-15.6%
Phải thu dài hạn	45.0	72.2	-37.7%
Tài sản cố định	111	132	-16.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	94.0	94.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	14.1	14.3	-1.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	340	362	-6.0%
Nợ ngắn hạn	246	268	-8.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	97.2	102	-4.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.3	19.7	-12.0%
Nợ dài hạn	94.0	94.0	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	70.7	81.0	-12.7%
Vốn chủ sở hữu	70.7	80.8	-12.5%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0.18	-100%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	51.8	41.5	62.7	49.9	45.0
Giá vốn hàng bán	47.1	38.6	53.1	41.7	40.8
Lợi nhuận gộp	4.62	2.92	9.57	8.18	4.15
Doanh thu HĐTC	0.03	0.00	0.01	0.02	0.04
Chi phí TC	-4.10	2.79	3.33	3.34	3.71
Chi phí lãi vay	-4.23	2.79	3.25	3.31	3.66
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.51	0.78	0.89	0.96	0.84
Chi phí QLDN	4.69	2.84	4.67	3.43	3.73
LN thuần từ HĐKD	2.54	-3.48	0.69	0.47	-4.09
Lợi nhuận khác	-0.19	0.02	-0.24	-2.87	-0.83
LN trước thuế	2.36	-3.45	0.46	-2.40	-4.91
Lợi nhuận sau thuế	2.36	-3.45	0.46	-2.40	-4.91
LNST của CĐ cty mẹ	2.36	-3.45	0.46	-2.40	-4.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.06	-2.47	6.32	9.47	7.71
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0.00	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.52	0.20	0.72	-1.50	-4.10
Tiền đầu kỳ	13.6	5.05	2.78	9.82	17.8
Lưu chuyển tiền thuần	-8.57	-2.27	7.04	7.97	3.61
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.05	2.78	9.82	17.8	21.4

(Nguồn: fireant.vn)